

Bản án số: 154/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 10 - 10 - 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Đức Tâm.

Bà Võ Thị Thanh Thủy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/9/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thúy D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp a, xã P, huyện G, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp a, xã P, huyện G, tỉnh B.

Bà Hồ Thị Thúy D và ông Trần Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Hồ Thị Thúy D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2008 tại UBND xã P, huyện G, tỉnh B. Thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vì không còn tiếng nói chung trong hôn nhân, không hợp nhau, nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Bà và ông T ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không sống chung lại với nhau ngày nào. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn T có 02 con chung tên Trần Ngọc Tân X, sinh ngày 21/02/2010 và Trần Ngọc Nhã K, sinh ngày 24/5/2013, hiện các con đang sống chung với ông T.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị Thúy D có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh B vào năm 2002. Ông và bà D ly thân từ năm 2019 cho đến nay, nay trước yêu cầu ly hôn của bà D thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Hồ Thị Thúy D có 02 con chung tên Trần Ngọc Tân X, sinh ngày 21/02/2010 và Trần Ngọc Nhã K, sinh ngày 24/5/2013, hiện các con đang sống chung với ông, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước phiên tòa hôm nay Thẩm phán thực hiện đúng các bước theo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thúy D đối với bị đơn ông Trần Văn T. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà D đối với ông T, giao cháu Trần Ngọc Tân X, sinh ngày 21/02/2010 và Trần Ngọc Nhã K, sinh ngày 24/5/2013 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà D không yêu cầu ông Tron cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông T không có nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thúy D và bị đơn ông Trần Văn T đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà D.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn T và bà Hồ Thị Thúy D bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2008 tại UBND xã P, huyện G, tỉnh B vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời trình bày của bà D cho rằng, thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vì không còn tiếng nói chung trong hôn nhân, không hợp nhau. Về phía ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà D. Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa ông Trần Văn T và bà Hồ Thị Thúy D đã thuận

tình ly hôn, nhưng không trực tiếp đến Tòa để giải quyết nên không thể công nhận cho ông bà bằng quyết định thuận tình ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T.

Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Hồ Thị Thúy D có 02 con chung tên Trần Ngọc Tân X, sinh ngày 21/02/2010 và Trần Ngọc Nhã K, sinh ngày 24/5/2013, hiện các con chung đang được ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D có yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về phía ông T đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của bà D, đồng ý giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, hai con chung cũng có nguyện vọng được sống chung với bà D, nên xét thấy việc giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Hồ Thị Thúy D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tại phiên tòa về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp. Về nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Hồ Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ các điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Hồ Thị Thúy D đối với ông Trần Văn T.

Bà Hồ Thị Thúy D được ly hôn với ông Trần Văn T.

[3] Về con chung: Ghi nhận bà Hồ Thị Thúy D và ông Trần Văn T có 02 con chung là Trần Ngọc Tân X, sinh ngày 21/02/2010 và Trần Ngọc Nhã K, sinh ngày 24/5/2013. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Hồ Thị Thúy D đối với ông Trần Văn T. Giao cháu Trần Ngọc Tân X và Trần Ngọc Nhã K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Hồ Thị Thúy D không có.

[5] Về án phí: Bà Hồ Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0008233 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã P ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Minh Tâm**